

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 12/10/2025

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	442541	Nguyễn Thị Minh	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
2	450442	Đoàn Bích	Diệp	Luật	Anh văn		Không đạt			
3	450553	Phạm Việt	Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
4	450752	Nông Thị Diễm	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
5	453791	Dương Văn	Dũng	Luật	Anh văn		Không đạt			
6	460410	Phạm Hoàng	Hà	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
7	460453	Trần Thị Xuân	Bích	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
8	460543	Phạm Thu	Thùy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
9	460662	Lương Duy	Tùng	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
10	461318	Nguyễn Quang	Huy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
11	461518	Phạm Duy	Hiền	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
12	461616	Đặng Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
13	461805	Nguyễn Bảo	Châu	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
14	461807	Trần Phạm Thảo	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
15	462129	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
16	462140	Nguyễn Hồng	Quân	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
17	462303	Đàm Hiền	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
18	462326	Nguyễn Duy	Hùng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
19	462348	Hoàng Đức	Thịnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
20	462441	Lê Thị	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
21	462647	Phạm Thu	Thủy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
22	462661	Nguyễn Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
23	462936	Lưu Thị Kim	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
24	463114	Ngô Tùng	Lâm	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
25	463210	Lê Minh	Đức	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
26	463419	Phạm Bá	Đạt	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
27	463437	Bùi Thị Thùy	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
28	463439	Lương Nguyễn Thành	Long	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
29	463459	Đào Phương	Thảo	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
30	463460	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
31	463502	Đỗ Thị Minh	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
32	463529	Lê An	Huy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
33	463540	Nguyễn Hoàng	Long	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
34	470204	Nguyễn Minh Thùy	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
35	470230	Đào Phương	Thảo	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
36	470246	Hoàng Minh	Đức	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
37	470365	Lê Tuấn	Vinh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
38	470368	Nguyễn Trâm	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
39	470414	Lê Thị Yên	Chi	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
40	470512	Nguyễn Mạnh	Chiến	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
41	470531	Nguyễn Tiến	Công	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
42	470551	Đoàn	Phi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
43	470561	Lê Quý	Nhân	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
44	470622	Võ Thu	Thanh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
45	470811	Nguyễn Lê Thảo	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
46	470860	Trần Tuấn	Kiệt	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
47	470912	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
48	470916	Nguyễn Thùy	Dương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
49	470943	Phạm Lê Kim	Chi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
50	470944	Lê Thị Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
51	470957	Mai Thị	Đoan	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
52	471012	Võ Hồng	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
53	471013	Phan Tuệ	Minh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
54	471015	Vũ Vân	Khánh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
55	471051	Lê Khánh	Vân	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
56	471102	Dương Trúc	Quỳnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
57	471105	Đậu Phương	Uyên	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
58	471107	Phí Ngọc Minh	Tiến	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
59	471109	Nguyễn Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
60	471110	Nguyễn Nhật Mỹ	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
61	471114	Nguyễn Hà	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
62	471117	Hoàng Đình Nhật	Duy	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
63	471149	Lê Phương	Anh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
64	471156	Đào Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
65	471243	Đặng Duy	Hung	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
66	471257	Phùng Như Tuấn	Kiệt	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
67	471302	Nông Hoàng	Yến	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
68	471321	Cầm Thanh	Bình	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
69	471344	Nguyễn Hoàng	Sang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
70	471402	Nguyễn Thị Minh	Châu	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
71	471406	Hoàng Hiền	Phương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
72	471408	Nguyễn Minh	Ngọc	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
73	471418	Trần Hoa Mai	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
74	471451	Đỗ Thị	Trang	Luật	Anh văn		Không đạt			
75	471535	Trương Thị Bảo	Ngọc	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
76	471553	Vũ Ngọc	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
77	471563	Tổng Hữu Minh	Khoa	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
78	471623	Trần Thùy	Dung	Luật	Anh văn		Không đạt			
79	471712	Bùi Dương Khánh	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
80	471714	Nguyễn Thúy	Ngà	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
81	471716	Trần Thanh	Vân	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
82	471722	Đặng Thùy	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
83	471736	Nguyễn Việt	Vương	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
84	471738	Phan Quang	Minh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
85	471750	Nguyễn Ngân	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
86	471762	Nguyễn Vũ Thành	Nam	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
87	471831	Đặng Hoàng	Phúc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
88	471902	Nguyễn Ngọc	Diệp	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
89	471907	Lại Thị Phương	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
90	471908	Nguyễn Thị Thu	Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
91	471912	Nguyễn Thu	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
92	471922	Lương Thị Hồng	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
93	471928	Lý Triều	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
94	472006	Bùi Thị Huyền	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
95	472007	Nguyễn Đức Bảo	Duy	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
96	472213	Đậu Quang	Thịnh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
97	472218	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
98	472312	Đàm Việt	Khôi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
99	472321	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
100	472324	Dương Bá	Phong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
101	472363	Nguyễn Kế	Vũ	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
102	472418	Bùi Thế	Huy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
103	472453	Thái Lâm	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
104	472520	Nguyễn Khánh	Thiện	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
105	472551	Tổng Anh	Duy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
106	472602	Đỗ Khánh	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
107	472612	Nguyễn Thị	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
108	472752	Trịnh Minh	Hiền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
109	472755	Nguyễn Gia	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
110	472806	Nguyễn Thị Trúc	Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
111	472811	Ngô Thị Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	2.0	Không đạt			
112	472818	Nguyễn Lê Thu	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
113	472820	Nguyễn Thị	Lý	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
114	472832	Nguyễn Thu	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
115	472842	Nguyễn Anh	Tú	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
116	472857	Nguyễn Hương	Giang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
117	472914	Mai Thị Tâm	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
118	472934	Đặng Phương	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
119	473004	Nguyễn Thị Minh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
120	473018	Phạm An	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
121	473019	Bùi Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
122	473034	Nguyễn Bá Cao	Đặng	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
123	473108	Đỗ Lam	Phong	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
124	473109	Trần Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
125	473136	Nguyễn Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh (N2)	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
126	473227	Nguyễn Hùng	Cường	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
127	473229	Lê Huyền	Thương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
128	473234	Nguyễn Thị Tú	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
129	473313	Đỗ Hoàng	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
130	473446	Nguyễn Ngọc Nguyên	Bách	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
131	473507	Bùi Minh	Châu	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
132	473522	Trần Quang	Huy	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
133	473539	Trần Hoàng	Anh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
134	473542	Nguyễn Phương	Anh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
135	473557	Trần Minh	Ngọc	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
136	473564	Phạm Minh	Phương	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
137	473704	Nguyễn Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
138	473706	Trần Thị Thu	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
139	473712	Lê Huy Kim	Cương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
140	473717	Đỗ Danh Trung	Dũng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
141	473735	Phạm Thành	Long	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
142	473749	Phan Nguyễn Long	Nhi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
143	473764	Nguyễn Thùy	Trang	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
144	473829	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
145	473837	Hoàng Nguyễn Nhật	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
146	473842	Tô Hải	Nam	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
147	473845	Vũ Nguyễn Khôi	Nguyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
148	473866	Nguyễn Đức	Trung	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
149	4537115	Triệu Văn	Son	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
150	241010105	Nguyễn Thu	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
151	241010106	Hà Thanh	Hải	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
152	241010121	Nguyễn Thị Minh	Hồng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
153	241010127	Nguyễn Thị Lan	Hương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
154	241010139	Nguyễn Ngọc	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
155	241010176	Nguyễn Kim	Son	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
156	241010186	Lê Thủy	Tiên	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
157	241010189	Nguyễn Văn	Tiệm	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
158	241010193	Trần Thu	Trang	Luật	Anh văn		Không đạt			
159	241010206	Nguyễn Thảo	Vân	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
160	241010212	Dương Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
161	241010235	Trần Ngọc	Diệp	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
162	241010242	Nguyễn Hải	Đăng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
163	241010248	Nguyễn Thị Việt	Hà	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
164	241010258	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
165	241010267	Trần Thanh	Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
166	241010280	Đinh Thị Hồng	Minh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
167	241010283	Nguyễn Phương Trà	My	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
168	241010289	Nguyễn Long	Nhật	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
169	241010294	Nguyễn Thị Thu	Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
170	241010307	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
171	241010310	Đặng Thị Hà	Thu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
172	241010312	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
173	241010340	Nguyễn Tuấn	Vinh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
174	241010343	Lê Hoàng	Yên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
175	241013639	Nguyễn Thị	Hà	Luật	Anh văn	1.5	Không đạt			
176	241013664	Trương Thanh	Son	Luật	Anh văn		Không đạt			
177	241013987	Nguyễn Xuân	Tùng	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
178	241014135	Trần Thanh	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
179	241014140	Phạm Thị Thu	Hiền	Luật	Anh văn		Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
180	241014166	Đặng Xuân	Thành	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
181	241014176	Đặng Quang	Tú	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
182	241070354	Vũ Thị Vân	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
183	241070375	Lê Thị Thu	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
184	241070499	Nguyễn Tú	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
185	241070505	Nguyễn Phương	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
186	241074035	Quách Minh	Hiếu	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
187	241074050	Lê Ngọc	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
188	241074121	Đinh Thị	Viên	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Bình